

# LIÊN KẾT ĐÁNH BẮT HẢI SẢN XA BỜ KẾT HỢP VỚI BẢO VỆ BIỂN, ĐẢO CỦA TỔ QUỐC: MỘT ĐÒI HỎI BỨC XÚC CỦA CÁC TỈNH DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

PGS.TS Nguyễn Trường Sơn

Trường Đại học Đà Nẵng

*Ngư dân của các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ (tính từ Đà Nẵng đến Bình Thuận) có truyền thống và kinh nghiệm hoạt động trên biển. Họ là những người thực hiện việc đánh bắt hải sản xa bờ chủ yếu ở nước ta trong những năm vừa qua. Đặc biệt, vùng duyên hải Nam Trung Bộ là địa phận có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, và từ xa xưa, người dân của vùng này đã được giao trọng trách quản lý và bảo vệ hai quần đảo quan trọng này của Tổ quốc. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, ở hai quần đảo này, nhất là tại quần đảo Hoàng Sa, việc tranh chấp chủ quyền luôn diễn ra với mức độ ngày càng gay gắt. Việc đấu tranh giữ vững chủ quyền biển đảo vì thế đã trở thành nhiệm vụ hết sức quan trọng của cả dân tộc, trước hết là của người dân vùng duyên hải Nam Trung Bộ. Có nhiều cách để thực hiện công việc đó, song, trong tình hình hiện nay, việc tổ chức cho ngư dân các địa phương trong vùng liên kết đánh bắt hải sản xa bờ kết hợp với bảo vệ biển đảo là cách làm phù hợp nhất, hiệu quả nhất. Bài viết này tập trung bàn về vấn đề đó ở các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ.*

**Từ khóa:** đánh bắt hải sản xa bờ, bảo vệ biển đảo, duyên hải Nam Trung Bộ, Hoàng Sa-Trường Sa

Các địa phương vùng duyên hải Nam Trung Bộ chúng tôi đề cập trong bài viết này gồm: Thành phố Đà Nẵng, các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận và Bình Thuận. Toàn vùng có diện tích tự nhiên 44.304,34 km<sup>2</sup>, chiếm 13,37% diện tích của cả nước. Dân số của vùng năm 2010 là 8.842.600 người, chiếm 10,17% dân số cả nước.

Vùng duyên hải Nam Trung Bộ nằm ở vị trí trung độ của đất nước, là cầu nối giao lưu Bắc-Nam và Đông-Tây, có quan hệ chặt chẽ với các tỉnh vùng Tây Nguyên và các tỉnh phía nam của nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào. Vùng là cửa ngõ ra biển của hành lang kinh tế Đông-Tây. Qua vùng này là con đường ra biển ngắn nhất của Nam Lào-Đông Bắc Campuchia và Thái Lan. Khoảng cách từ Đà Nẵng đến Savanakheth là 517 km (qua đường 9), đến Pắc Xé (Champasak) khoảng 270-300 km (qua Quốc lộ 14D, 14B). Nếu tính từ Dung Quất (Quảng Ngãi) thì khoảng cách đến Viên Chăn là 718 km, đến Pnôm Pênh là 558 km, đến Attapur là 210 km, đến Pắc Xé là 315 km, đến khu trung tâm Đông Bắc

Thái Lan là 630 km.

Tám tỉnh, thành phố duyên hải Nam Trung Bộ có bờ biển dài 1341 km, chiếm 41,13% chiều dài bờ biển của cả nước. Bờ biển vùng duyên hải Nam Trung Bộ rất hùng vĩ, với nhiều bãi tắm đẹp, trong đó có những bãi được xếp vào loại đẹp nhất, hấp dẫn nhất hành tinh như bãi tắm Mỹ Khê của Đà Nẵng, bãi tắm Nha Trang của Khánh Hoà... cũng như có nhiều vịnh nước sâu, kín gió, rất thuận lợi cho việc xây dựng các cảng biển lớn có tầm cỡ quốc tế như: Tiên Sa, Kỳ Hà, Dung Quất, Quy Nhơn, Vũng Rô, Vân Phong, Cam Ranh. Đặc biệt, hai quần đảo lớn nhất, có vị trí quan trọng nhất của biển Đông là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của vùng đất này. Quần đảo Hoàng Sa là một huyện của thành phố Đà Nẵng, còn quần đảo Trường Sa là một huyện của tỉnh Khánh Hoà.

Với điều kiện tự nhiên như vậy, nên từ xa xưa, một bộ phận dân cư của vùng duyên hải Nam Trung Bộ đã lấy nghề biển (nuôi trồng, đánh bắt hải sản, vận tải biển) làm nghề sinh sống chính của mình. Tuy nhiên, từ những năm 1975 trở về trước, một

mặt do nguồn lợi hải sản ven bờ còn dồi dào, phong phú; mặt khác, do nước ta vẫn là nước nông nghiệp nghèo nàn, chậm phát triển, khả năng kinh tế của người dân rất hạn chế và quan trọng hơn là chiến tranh vẫn đang diễn ra ác liệt trên khắp các vùng biển, nên nghề biển của ngư dân cả nước nói chung, ngư dân các địa phương vùng duyên hải Nam Trung Bộ nói riêng dường như không phát triển được. Số lượng ngư dân tham gia đánh bắt hải sản không nhiều, các phương tiện đánh bắt hải sản vừa thô sơ, vừa nhỏ bé, kỹ thuật đánh bắt lạc hậu và việc đánh bắt diễn ra ở ven bờ là chính.

Sau ngày đất nước được hoà bình, thống nhất, đặc biệt là sau ngày thực hiện đường lối đổi mới đến nay, cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế nước nhà, nghề khai thác các nguồn lợi của biển ở nước ta cũng đã có sự phát triển khá mạnh mẽ, nhất là các địa phương vùng duyên hải Nam Trung Bộ. Từ sau năm 1995 trở đi, một phần vì các nguồn lợi hải sản ven bờ đã dần bị cạn kiệt do bị khai thác tập trung trong một thời gian khá dài, mặt khác, nhu cầu về các loại hải sản phục vụ cho tiêu dùng của người dân trong nước và xuất khẩu không ngừng gia tăng (nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng nhanh do hai lý do: Một là, do dân số tăng nhanh. Năm 1976, dân số nước ta mới có 49.160.000 người, năm 2010 con số đó đã là 86.927.700 người, tức là tăng thêm 37.767.700 người sau 35 năm. Nếu cứ giữ mức sống của người dân hiện nay như năm 1976, thì chỉ riêng việc tăng dân số cũng đã làm cho nhu cầu các sản phẩm từ biển tăng gần gấp đôi. Hai là, do kinh tế của đất nước phát triển mạnh, thu nhập của người dân tăng nhanh, nên đời sống của người dân, nhất là

đời sống vật chất được cải thiện rõ rệt. Lượng thực phẩm, nhất là thịt, trứng, cá từng người dân tiêu thụ hàng ngày giờ đây cao hơn rất nhiều so với cuối những năm 70 của thế kỷ XX), nên nghề khai thác các nguồn lợi từ biển của ngư dân nước ta đã từng bước vươn ra khơi xa. Đánh bắt hải sản xa bờ đã được các cấp uỷ Đảng và Chính quyền nhiều địa phương, đặc biệt là các địa phương vùng duyên hải Nam Trung Bộ coi là nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế và bảo đảm an ninh quốc phòng.

Vấn đề có tính quyết định đối với nghề đánh bắt hải sản xa bờ là phải có tàu lớn, được trang bị các phương tiện đánh bắt, hậu cần, thông tin-liên lạc tương đối hiện đại, đủ điều kiện cho ngư dân hoạt động với thời gian tương đối dài ngoài khơi xa (thường là từ 1-2 tháng một lần ra khơi) và có khả năng chống chịu được với sóng to, gió lớn (ít ra cũng phải chịu được gió cấp 6-7). Với yêu cầu đó, trong hoàn cảnh đất nước mới thoát ra khỏi khủng hoảng, rất ít ngư dân của nước ta có thể tự bỏ vốn ra để đóng được các con tàu phục vụ cho việc đánh bắt hải sản xa bờ.

Thấy được khó khăn này của ngư dân, đầu năm 1997, Chính phủ đã đưa ra chương trình hỗ trợ tín dụng cho ngư dân đóng tàu phục vụ việc đánh bắt hải sản xa bờ. Ngày 28/4/1997 Chính phủ đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chương trình nói trên do Bộ trưởng Bộ Thủy sản làm trưởng ban. Được sự hỗ trợ to lớn của Nhà nước, ngư dân trong cả nước, đặc biệt là ngư dân vùng duyên hải Nam Trung Bộ đã hưởng ứng hết sức mạnh mẽ và triển khai thực hiện khá hiệu quả chương trình đánh bắt hải sản xa bờ.

**Bảng 1: Số lượng tàu đánh bắt hải sản xa bờ của các địa phương vùng duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2000-2010**

Đơn vị tính: Chiếc

Địa phương	2000	2005	2007	2008	2009	2010
Cả nước	9.766	20.537	21.552	22.729	24.99	25.346
Đà Nẵng	46	276	214	195	183	175
Quảng Nam	462	540	400	451	530	569
Quảng Ngãi	540	1.897	2.097	2.175	2.256	2.254
Bình Định	2.795	3.784	3.793	3.679	3.813	3.827
Phú Yên	82	755	977	1.142	1.333	1.389
Khánh Hoà	415	665	620	560	554	504
Ninh Thuận	182	1.055	656	840	991	1.097
Bình Thuận	642	690	1.419	1.852	2.178	1.812
Tổng cộng	5.164	9.662	10.176	10.894	11.838	11.627
% so với cả nước	52,87	47,05	47,22	47,93	47,37	45,87

*Nguồn: Niên giám Thống kê Năm 2000 và 2010*

Bảng 1 cho thấy, năm 2010 so với năm 2000, số tàu đánh bắt hải sản xa bờ của 8 tỉnh, thành phố duyên hải Nam Trung Bộ đã tăng thêm 6463 chiếc, tăng 125,15%. Trong đó có những tỉnh tăng rất cao như Phú Yên, từ 82 chiếc lên 1389 chiếc, tăng 16,9 lần, hay Quảng Ngãi tăng 1714 chiếc, tăng 4,17 lần... Tuy nhiên, năm 2010 so với năm 2005, cũng có 2 địa phương số lượng tàu đánh bắt xa bờ giảm, đó là: Đà Nẵng từ 276 chiếc giảm xuống còn 175 chiếc, giảm 101 chiếc; Khánh Hoà từ 665 chiếc giảm xuống còn 504 chiếc, giảm 161 chiếc. Việc giảm số lượng tàu đánh bắt xa bờ ở hai địa phương này không có gì khó hiểu, bởi lẽ đây là hai địa phương có ngành du lịch phát triển nhất toàn vùng, nên có thể một số ngư dân thấy hoạt động du lịch hiệu quả cao hơn, do đó đã chuyển đổi nghề nghiệp cho phù hợp.

Bảng 1 cũng cho thấy, tuy số lượng tàu năm 2010 có giảm so với năm 2000, song 8 tỉnh, thành phố vùng duyên hải Nam Trung Bộ vẫn chiếm tới 45,87% số lượng tàu đánh bắt hải sản xa bờ của cả nước. Trong đánh bắt hải sản xa bờ thì đánh bắt cá ngừ đại dương có một vai trò rất quan trọng, vì nó là loại hải sản xuất khẩu có giá trị kinh tế rất cao. Điều đáng nói là, dường như công việc này chỉ tập trung chủ yếu cho ngư dân các tỉnh, thành phố duyên hải Nam Trung Bộ đảm nhận.

Cùng với việc tăng số lượng các tàu đánh bắt hải sản xa bờ, thì tổng công suất của các loại tàu này ở từng địa phương cũng tăng lên rất nhanh.

Bảng 2 cho thấy, năm 2010 so với năm 2000 tổng công suất của tàu đánh bắt hải sản xa bờ tăng 3,25

lần, thì riêng của các địa phương vùng duyên hải Nam Trung Bộ tăng 4,51 lần. Trong đó có những địa phương có mức tăng rất cao như Phú Yên tăng 13,15 lần, Bình Thuận tăng 10,48 lần... Công suất của các tàu đánh bắt hải sản xa bờ của các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ năm 2010 chiếm 28,81% tổng công suất của các tàu đánh bắt xa bờ của cả nước.

Nhờ đội tàu tăng nhanh nên lượng cá biển do ngư dân trong vùng đánh bắt được cũng tăng đáng kể.

Bảng 3 cho thấy, năm 2010 sản lượng cá biển toàn vùng đánh bắt được so với năm 2000 tăng 187 ngàn tấn, tương đương 56,72%. So với cả nước thì sản lượng đánh bắt của vùng tăng từ 30,66% lên 31,35%.

Việc phát triển nhanh tiềm lực đánh bắt hải sản xa bờ của ngư dân vùng duyên hải Nam Trung Bộ trong những năm vừa qua một mặt đã làm cho kinh tế của vùng này có sự khởi sắc đáng kể: nhiều dịch vụ kèm theo nghề biển phát triển mạnh, người dân có công ăn, việc làm ổn định, thu nhập ngày càng tăng (theo kết quả mới nhất do ban chỉ đạo tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản Trung ương công bố tháng 12.2011 thì vốn tích lũy bình quân một hộ nông thôn vùng duyên hải Nam Trung Bộ đã từ 5.639.300 đồng năm 2006 tăng lên 12.855.200 đồng năm 2011), đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Mặt khác, việc đánh bắt hải sản xa bờ của ngư dân đã góp phần quan trọng cùng các lực lượng vũ trang giữ vững an ninh vùng biển đảo của tổ quốc, đặc biệt là vùng đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Tuy nhiên, do quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

**Bảng 2: Tổng công suất của các tàu đánh bắt hải sản xa bờ của các địa phương vùng duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2000-2010**

*Đơn vị tính: 1000 CV*

Địa phương	2000	2005	2007	2008	2009	2010
Cả nước	1.385,1	2.801,1	3.051,7	3.342,1	3.721,7	4.498,7
Đà Nẵng	7,4	33,1	27,8	27,7	29,6	30,7
Quảng Nam	25,8	30,0	23,2	38,7	38,9	41,6
Quảng Ngãi	40,5	121,4	139,6	146,4	185,6	195,7
Bình Định	116,9	196,3	224,3	204,4	214,5	265,5
Phú Yên	8,9	55,7	91,4	96,5	115,5	117,8
Khánh Hoà	27,8	35,1	34,2	30,9	30,7	38,1
Ninh Thuận	17,6	150,2	82,1	107,9	127,9	162,6
Bình Thuận	42,4	64,9	204,2	259,6	404,7	444,2
Tổng cộng	287,3	686,7	826,8	912,1	1.147,4	1.296,2
% so với cả nước	20,74	24,5	27,09	27,29	30,83	28,81

*Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2000 và 2010*

**Biểu 3: Sản lượng cá biển khai thác được của các tỉnh  
đuyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2000-2010**

*Đơn vị tính: 1000 tấn*

Địa phương	2000	2005	2007	2008	2009	2010
Cả nước	1075,3	1367,5	1433,0	1475,8	1574,1	1648,2
Đà Nẵng	16,3	26,4	26,0	26,6	31,1	30,4
Quảng Nam	30,8	34,5	35,9	36,6	38,1	39,6
Quảng Ngãi	54,0	66,6	67,0	68,1	69,9	78,9
Bình Định	61,3	83,5	86,4	90,7	100,0	108,8
Phú Yên	24,9	30,4	31,3	31,9	33,1	36,4
Khánh Hoà	47,5	56,2	59,2	59,0	66,3	68,7
Ninh Thuận	25,4	40,3	43,3	44,7	46,3	51,6
Bình Thuận	69,5	82,5	90,4	91,3	100,9	102,3
Toàn vùng	329,7	420,4	439,5	448,9	485,7	516,7
% so với cả nước	30,66	30,74	30,66	30,42	30,85	31,35

*Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2007, 2010*

có vị trí đặc biệt quan trọng đối với biển Đông, nên tại đây luôn có sự tranh chấp về chủ quyền đối với hai quần đảo này giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ trong khu vực, đặc biệt là giữa Trung Quốc và Việt Nam. Mặc dù từ thời Nhà Nguyễn, sau đó là thời Pháp thuộc, rồi đến chính quyền Sài Gòn, Hoàng Sa và Trường Sa luôn được xác định là thuộc chủ quyền của Việt Nam, và do Việt Nam quản lý, song Trung Quốc thường xuyên tìm cách xâm chiếm hai quần đảo này. Trong 60 năm qua, Trung Quốc đã 4 lần dùng vũ lực để xâm chiếm quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa:

- Năm 1956 Trung Quốc cho quân chiếm phía đông quần đảo Hoàng Sa.

- Năm 1974 cho quân chiếm nốt bộ phận phía tây quần đảo Hoàng Sa.

- Năm 1988 cho quân chiếm một số đá, bãi ngầm tại quần đảo Trường Sa.

- Năm 1992 tiếp tục cho quân chiếm thêm một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa.

Tiếp đến, Trung Quốc tiến hành sáp nhập quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào phủ huyện Tam Sa của họ. Đặc biệt, từ năm 2008 đến nay, Trung Quốc đã nhiều lần cho tàu ủi chìm các tàu cá của ngư dân vùng duyên hải Nam Trung Bộ đánh bắt hải sản tại khu vực Hoàng Sa và Trường Sa, bắt ngư dân của ta làm con tin và đòi tiền chuộc. Ngày 26/5/2011 phía Trung Quốc còn cho 3 tàu hải giám vào sâu thềm lục địa nước ta, cắt cáp thăm dò địa chấn của tàu Bình Minh 2, sau đó là tàu Viking 2 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Những việc làm trên đây của Trung Quốc không

chỉ xâm phạm đến sự toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc phòng của nước ta nói chung, mà còn tạo ra nhiều mối đe dọa lớn lao cho ngư dân làm ăn trên biển, trước hết là ngư dân vùng duyên hải Nam Trung Bộ. Chính vì thế, lúc này hơn lúc nào hết, việc gắn kết giữa phát triển kinh tế biển với bảo vệ toàn vẹn vùng biển đảo của tổ quốc cần phải được đặt ra một cách quyết liệt. Tuy nhiên, gắn kết như thế nào cho thật sự có hiệu quả là điều cần phải được nghiên cứu và tổ chức thực hiện một cách khoa học, nghiêm túc. Về vấn đề này, ý kiến của chúng tôi như sau:

- Với một vùng biển dài và rộng, lại khá xa đất liền, nên muốn bảo vệ và khai thác có hiệu quả, vấn đề mấu chốt là phải dựa vào dân. Thực tiễn dựng nước và giữ nước của dân tộc ta hơn bốn ngàn năm qua, đặc biệt là từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đến nay đã cho thấy: không có việc gì chúng ta không làm được khi công việc đó được toàn thể nhân dân ủng hộ và tích cực tham gia. Việc phát triển kinh tế biển và bảo vệ vùng biển, đảo của tổ quốc cũng sẽ như vậy. Nếu chúng ta huy động được sự tham gia tích cực của người dân, tạo ra một lực lượng tàu thuyền của dân dày đặc trên vùng biển Hoàng Sa và Trường Sa suốt ngày, đêm, thì chắc chắn rằng không một lực lượng bên ngoài nào dám xâm phạm đến vùng biển, đảo đó của chúng ta.

- Tuy nhiên, để ngư dân, trước hết là ngư dân vùng duyên hải Nam Trung Bộ, có thể ngày đêm bám giữ vùng biển, đảo Hoàng Sa và Trường Sa để đánh bắt hải sản và bảo vệ chủ quyền của quốc gia, theo chúng tôi, Đảng và Chính quyền các cấp cần quan tâm giải quyết những vấn đề sau đây cho ngư

dân của vùng này:

+ Thứ nhất, muốn bám biển lâu ngày, ngư dân phải có các tàu tương đối lớn và được trang bị tương đối hiện đại (nó không chỉ có khả năng chống chịu được với sóng to, gió lớn, mà còn có khả năng tiếp cận được mọi thông tin do các cơ quan có trách nhiệm thông báo từng giờ, từng ngày...). Năm 2010 tám tỉnh, thành phố duyên hải Nam Trung bộ có 11.627 tàu đánh bắt hải sản xa bờ, với tổng công suất là 1.296.200 CV, như vậy bình quân mỗi tàu chỉ có công suất 111 CV, quá nhỏ, chưa đủ khả năng bám biển lâu ngày. Bởi vậy, Chính phủ cần có chính sách tín dụng đặc biệt (cho vay với số tiền lớn, lãi suất thấp, thời gian vay dài) đối với ngư dân tham gia đánh bắt hải sản xa bờ và bảo vệ biển, đảo thuộc các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ, cũng có thể coi đây là một phần đầu tư cho sự nghiệp bảo vệ tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.

+ Thứ hai, hệ thống chính trị của các địa phương trong vùng cần phối hợp chặt chẽ với nhau, vận động ngư dân thành lập các tổ, đội, các hợp tác xã, các doanh nghiệp,... đánh bắt hải sản xa bờ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức này hoạt động có hiệu quả, vừa hỗ trợ được nhau trong khai thác hải sản, vừa bảo vệ được nhau khi có những biến cố bất lợi xảy ra, lại tạo ra được sức mạnh tập thể để bảo vệ vùng biển, đảo của tổ quốc. Các tổ chức này phải có sự chỉ đạo chặt chẽ của Đảng và Chính quyền các cấp trong phạm vi từng xã, từng huyện, từng tỉnh, đồng thời phải có sự liên kết, sự phối hợp chặt chẽ giữa các tỉnh trong toàn vùng (có thể hình thành một bộ phận chỉ đạo cấp vùng về vấn đề này).

+ Thứ ba, vấn đề có tính quyết định để ngư dân trong vùng có thể bám biển lâu ngày là: nhiên liệu để chạy tàu, lương thực, thực phẩm và nước ngọt phục vụ cuộc sống hàng ngày trên biển của ngư dân,

và cuối cùng là việc tiêu thụ các sản phẩm do họ đánh bắt được. Chúng tôi cho rằng, trong điều kiện hiện nay, chúng ta có đủ điều kiện để giải quyết vấn đề đó cho dân. Theo chúng tôi, Chính phủ nên đầu tư thành lập hai trung tâm dịch vụ đánh bắt xa bờ cho hai vùng đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trung tâm phục vụ cho quần đảo Hoàng Sa đặt ở Đà Nẵng, trung tâm phục vụ cho quần đảo Trường Sa đặt ở Khánh Hoà. Hai trung tâm này có trách nhiệm cung cấp các thứ như chúng tôi đã nêu ở trên cho ngư dân. Nếu làm tốt việc này, chắc chắn ngư dân của chúng ta sẽ vô cùng phấn khởi trong việc tham gia phát triển kinh tế cũng như bảo vệ vùng biển, đảo của tổ quốc. (Cũng có thể Chính phủ không trực tiếp làm, mà có sự chỉ đạo và hỗ trợ để các địa phương trong vùng thực hiện).

+ Thứ tư, thực tiễn những năm vừa qua đã cho thấy, việc bảo vệ vùng biển đảo của tổ quốc không phải chỉ có tổn tiền bạc, của cải, mà còn phải hy sinh cả xương máu nữa. Mặt khác, Đảng ta cũng đã khẳng định: phát triển mạnh kinh tế biển đảo là một định hướng chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội của nước ta trong những năm sắp tới, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo là nghĩa vụ thiên nhiên của cả dân tộc. Chính vì thế, chúng tôi đề nghị Đảng và Nhà nước cũng cần nghiên cứu để có chính sách hỗ trợ, tôn vinh thoả đáng cho những người dân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế và bảo vệ vùng biển, đảo của tổ quốc.

Tóm lại, liên kết trong đánh bắt hải sản xa bờ kết hợp với bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của tổ quốc là một đòi hỏi bức xúc hiện nay ở các địa phương vùng duyên hải Nam Trung bộ, và chúng ta hoàn toàn có thể làm được điều đó, nếu các cấp, các ngành và người dân trong vùng có quyết tâm cao và được sự quan tâm hỗ trợ của Đảng và Nhà nước. □

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Viện Chiến lược và Phát triển-Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Các vùng, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Tiềm năng và triển vọng đến năm 2020. Nhà xuất bản CTQG, Hà Nội, 2009.
2. GS-TSKH Nguyễn Quang Thái- ThS Trần Minh Quốc chủ biên: Toàn cảnh kinh tế Việt Nam. Nhà xuất bản Chính trị-Hành chính, Hà nội, 2010.
3. Ban chỉ đạo điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản Trung ương. Báo cáo sơ bộ kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011. Nhà xuất bản Thống kê, 12/2011.
4. Các tư liệu có liên quan đến quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
5. Niên giám Thống kê năm 2000, 2007, 2010.